



Phủ Thọ, ngày 06 tháng 01 năm 2026

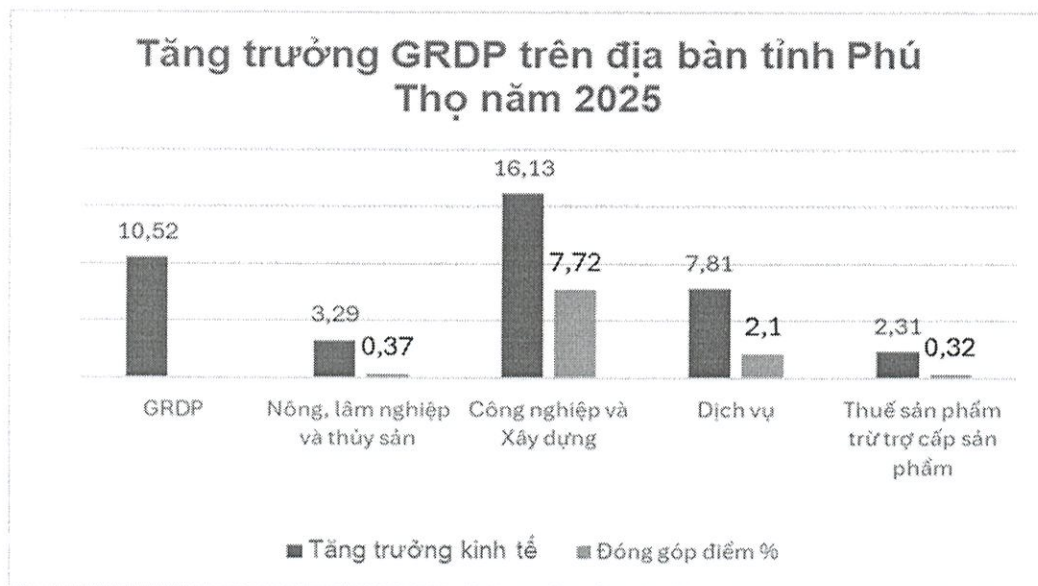
THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Số liệu thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Phú Thọ năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới vận hành trong môi trường nhiều rủi ro đan xen, chịu tác động từ căng thẳng địa chính trị, biến động giá năng lượng và chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài ở nhiều nền kinh tế lớn. Tăng trưởng toàn cầu có dấu hiệu chững lại. Ở trong nước, cả hệ thống chính trị tập trung hoàn thiện thể chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo ra bước ngoặt trong tái cấu trúc toàn diện nền hành chính theo hướng tinh gọn, hiện đại.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội được triển khai linh hoạt, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Nền kinh tế tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực: Sản xuất công nghiệp - xây dựng tiếp tục khẳng định vai trò là động lực chính, với nhiều ngành chế biến chế tạo sản xuất tăng mạnh; hoạt động thương mại, dịch vụ khởi sắc, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng cao; sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định; giá cả được kiểm soát, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Kết quả cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu kế hoạch; đứng thứ 01/09 tỉnh trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đứng thứ 04/34 tỉnh, thành phố trong cả nước.



Trong mức tăng chung của nền kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,29%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 16,13%, đóng góp 7,72 điểm phần trăm, tiếp tục khẳng định vai trò động lực chủ yếu trong phát triển kinh tế của tỉnh năm 2025; khu vực dịch vụ tăng 7,81%, đóng góp 2,1 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2,31%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 cao hơn mức tăng năm 2024 (+2,76%), song thấp hơn mức tăng của các năm còn lại giai đoạn 2021-2025. Trong đó, đóng góp chủ yếu từ ngành nông nghiệp (cơ cấu chiếm 87% ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản), ước tăng 2,95%; ngành lâm nghiệp ước tăng 5,6%; ngành thủy sản ước tăng 4,85%.

Năm 2025, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2021-2025, chủ yếu đóng góp từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (có cơ cấu chiếm trên 70% toàn ngành; ước tăng 18%). Trong các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học duy trì đà tăng trưởng cao qua các quý, giữ vai trò động lực tăng trưởng của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế, ước năm 2025 tăng 26,7%, đóng góp 4,55 điểm phần trăm.

Ngành xây dựng ước tăng 7,46% so với năm 2024, đóng góp 0,56 điểm phần trăm tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Doanh thu các ngành thương mại, dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống tăng cao so với năm trước. Tăng trưởng khu vực dịch vụ năm 2025 ước đạt 7,81%, đóng góp 2,10 điểm phần trăm vào mức tăng chung của nền kinh tế. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,16% so với năm trước, đóng góp 0,49 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,9%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,48%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 11,07%, đóng góp 0,18 điểm phần trăm;...

2. Sau sáp nhập, quy mô kinh tế tiếp tục gia tăng, duy trì vị trí thứ 06/34 tỉnh, thành phố trong cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực

Quy mô GRDP tỉnh Phú Thọ năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 412,4 nghìn tỷ đồng, tăng 55,5 nghìn tỷ đồng so với năm 2024. Đưa giá trị GRDP bình quân đầu người từ 97,4 triệu đồng/người năm 2024 lên 111,4 triệu đồng/người năm 2025, tương ứng tăng 14,0 triệu đồng/người.

Cơ cấu các ngành kinh tế năm 2025 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm

nghiệp, thủy sản. Tỷ trọng giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị tăng thêm ba khu vực, ước đạt 55,4%, trong đó ngành công nghiệp chiếm 48,0%; khu vực dịch vụ chiếm 32,1%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 12,5% (Năm 2024 lần lượt là: 52,4%; 33,7%; 13,9%).

3. Sản xuất nông nghiệp năm 2025 nhìn chung ổn định; sản xuất lâm nghiệp và thủy sản tăng khá. Trong quý III, hoạt động chăn nuôi chịu ảnh hưởng không nhỏ của dịch tả lợn châu Phi, làm giảm sản lượng thịt hơi xuất chuồng; sang quý IV, dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát, chăn nuôi lợn có xu hướng hồi phục nhưng còn chậm.

Hoạt động trồng trọt chịu ảnh hưởng của mưa bão trong tháng 10/2025, làm chậm tiến độ gieo trồng vụ Đông so với năm trước; tuy nhiên các địa phương và cơ quan chức năng đã chủ động ứng phó, đảm bảo hoạt động sản xuất đúng khung thời vụ, đồng thời tập trung thu hoạch cây trồng còn lại của vụ mùa. Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm ước đạt 303,6 nghìn ha, giảm 0,7% so với năm 2024. Đánh giá sơ bộ cho thấy năng suất, sản lượng hầu hết các cây trồng chính đều tăng. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2025 ước đạt 1.139 nghìn tấn, tăng 2,5% so với năm 2024; trong đó: Sản lượng thóc đạt 863,9 nghìn tấn, tăng 2,7% (+22,5 nghìn tấn); sản lượng ngô đạt 275 nghìn tấn, tăng 2,1% (+5,6 nghìn tấn). Sản lượng rau xanh các loại đạt 703,9 nghìn tấn, tăng 3,0% (+20,2 nghìn tấn);...

Hoạt động chăn nuôi những tháng đầu năm có nhiều thuận lợi; giá cả thị trường tương đối ổn định, giá thịt lợn hơi duy trì ở mức cao, giá thức ăn chăn nuôi có xu hướng giảm. Sáu tháng cuối năm, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện trên địa bàn với những diễn biến phức tạp, cùng với đó, giá lợn hơi sụt giảm trong khi chi phí đầu vào ở mức cao, gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi. Với tỷ trọng chiếm tới 53% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, biến động của ngành chăn nuôi đã tác động lớn đến tăng trưởng của ngành. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2025 ước đạt 471 nghìn tấn, tăng 1,1% so với năm 2024; trong đó: Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng tăng 0,7%; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng tăng 0,7%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng giảm 0,8%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng tăng 5,1%;...

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp và thủy sản cơ bản duy trì phát triển. Hoạt động lâm nghiệp đảm bảo kế hoạch năm, công tác trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng, trồng cây phân tán, phổ biến kiến thức về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được thực hiện hiệu quả. Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2025 ước đạt 19,9 nghìn ha, tăng 1,7% so với năm 2024; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.666,1 nghìn m³, tăng 9,8%;... Tổng sản lượng thủy sản năm 2025

ước đạt 83,4 nghìn tấn, tăng 4,7%; trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 75,8 nghìn tấn, tăng 4,9%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 7,6 nghìn tấn, tăng 2,7%.

4. Sản xuất công nghiệp năm 2025 duy trì tăng trưởng ở mức cao, tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong phát triển kinh tế của tỉnh; đà tăng chủ yếu đến từ nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với sự mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp quy mô lớn và đóng góp nổi bật của các dự án FDI đã vận hành ổn định.

Chỉ số sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh (IIP) năm 2025 ước tính tăng 26,38% so với năm 2024, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2021-2025. Đà tăng trưởng chủ yếu đến từ các ngành: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 39,94%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 18,77%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 31,15%;...

Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học là ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, đóng vai trò trụ đỡ, dẫn dắt tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng như cả nền kinh tế. Hoạt động của các doanh nghiệp thuộc ngành này duy trì ổn định và tiếp tục phát triển nhờ nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm công nghệ thông minh tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU nên sản lượng tăng khá so với năm 2024. Các doanh nghiệp lớn ngành đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Ước cả năm 2025, sản lượng máy tính xách tay, máy tính bảng đạt 34 triệu sản phẩm, tăng 74,87%; doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử đạt 281,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,7% so với năm 2024. Tăng trưởng ngành linh kiện điện tử năm 2025 đạt 26,66% so với năm trước, đóng góp 4,55 điểm phần trăm vào tăng trưởng GRDP toàn tỉnh.

Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng cao do nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng của các dự án hạ tầng trong và ngoài tỉnh đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành theo đúng kế hoạch năm. Cùng với đó, một số doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành đã chủ động đổi mới quá trình sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại và phương thức quản lý hiệu quả; từ đó, nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm; đồng thời, đa dạng hóa danh mục sản phẩm để đáp ứng yêu cầu thị trường, phù hợp với nhiều loại hình công trình xây dựng, điều kiện khí hậu, vùng miền khác nhau; tăng cường sản xuất các dòng sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

Bên cạnh nhiều điểm sáng, sản xuất công nghiệp năm 2025 trên địa bàn tỉnh cũng đối mặt với những khó khăn nhất định, một số ngành truyền thống, chiếm tỷ trọng lớn nhưng gặp khó khăn về thị trường, có xu hướng giảm so với năm 2024, làm hạn chế tăng trưởng chung toàn ngành như: Sản xuất xe có động

cơ giảm 5,13%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 1,64%; sản xuất trang phục giảm 4,39%....

Sản xuất xe có động cơ từ quý III/2024 chịu nhiều áp lực từ xe điện, xe nhập khẩu và tâm lý thắt chặt chi tiêu của người dân. Mặc dù các doanh nghiệp tiếp tục áp dụng nhiều giải pháp kích cầu, sức mua nhìn chung vẫn ở mức thấp (*sản lượng ô tô năm 2025 giảm 8,48% so với năm trước*).

Sản xuất phương tiện vận tải khác với sản phẩm chủ lực xe máy sử dụng động cơ đốt trong nhìn chung trầm lắng, nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế khó khăn và xu hướng thắt chặt chi tiêu của người dân; sản lượng giảm dần qua từng quý. Bên cạnh đó, việc Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị áp dụng vùng phát thải thấp từ năm 2026, trong đó Hà Nội thí điểm cấm xe máy xăng tại một số khu vực từ ngày 01/7/2026, đã tác động khiến một bộ phận không nhỏ người tiêu dùng trì hoãn quyết định mua mới, hoặc chuyển sang các lựa chọn khác như xe điện với chi phí vận hành thấp hơn.

Sản xuất trang phục gặp nhiều khó khăn, chủ yếu do kinh tế toàn cầu bất ổn, lạm phát và lãi suất duy trì ở mức cao; người tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu truyền thống cắt giảm chi tiêu đối với các mặt hàng thời trang. Bên cạnh đó, chi phí nhân công, giá nguyên phụ liệu và cước vận tải tăng cao làm gia tăng chi phí sản xuất, gây khó khăn trong việc giữ ổn định giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các sản phẩm chủ đạo đóng góp chính vào tăng trưởng chung toàn ngành so với năm 2024 gồm: Xi măng ước đạt 3.560,9 nghìn tấn, tăng 36,1%; sắt, thép ước đạt 726,9 nghìn tấn, tăng 35,5%; máy điều hòa không khí ước đạt 53,4 nghìn sản phẩm, tăng 31,1%; dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử ước đạt 281,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,7%; thức ăn cho gia súc ước đạt 857,3 nghìn tấn, tăng 17,9%; gạch lát ước đạt 175,1 triệu m², tăng 16,6%; giày thể thao ước đạt 17,9 triệu đôi, tăng 10,2%; nước máy ước đạt 240,8 triệu m³, tăng 10,1%; điện thương phẩm ước đạt 10.994,9 triệu kWh, tăng 9,7%; điện sản xuất ước đạt 9.561,3 triệu kWh, tăng 7,1%; phân NPK ước đạt 427,9 nghìn tấn, tăng 2,3%; giấy và bìa khác ước đạt 311,4 nghìn tấn, tăng 2%; phân supe photphat (P2O5) ước đạt 435 nghìn tấn, tăng 1,1%;...

5. Tỉnh Phú Thọ sau khi hợp nhất có quy mô dân số thực tế thường trú lớn, trên 3,7 triệu người, hình thành thị trường tiêu dùng nội địa có tiềm năng, sức mua cao và đa dạng, tạo động lực để phát triển các hoạt động thương mại, logistics, bán lẻ, tài chính, du lịch và dịch vụ đời sống.

Năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 198,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3% so với năm 2024. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 156,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,7% tổng mức, tăng 16,3%; doanh thu

dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 19,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng mức, tăng 18,5%;...

Hoạt động vận tải duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đi lại của người dân; doanh thu vận tải năm 2025 ước đạt 20.209 tỷ đồng, tăng 12,08% so với năm 2024. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 14.000,2 tỷ đồng, tăng 7,45%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 3.912,2 tỷ đồng, tăng 23,6%. Sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 119,5 triệu tấn, tăng 6,27% so với năm 2024; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 11.965,4 triệu tấn.km, tăng 5,24%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 73,6 triệu lượt hành khách, tăng 18,09%; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 4.310,6 triệu lượt hành khách.km, tăng 20,56%.

6. Công tác huy động và giải ngân vốn, đặc biệt vốn đầu tư công được thực hiện hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhờ đó tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2025 ước đạt trên 151,6 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2024. Trong đó: Vốn đầu tư ngoài Nhà nước đạt 79,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,5% tổng vốn, tăng 12,6%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt gần 36 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,7% tổng vốn, tăng 22,4%; vốn đầu tư Nhà nước trên địa bàn ước đạt 36 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,8% tổng vốn, tăng 19,4% so với năm 2024;...

Tiến độ giải ngân các dự án trọng điểm được đẩy nhanh trong quý IV, đặc biệt là các công trình giao thông liên vùng, khu công nghiệp, khu đô thị và dự án hạ tầng xã hội. Các công trình như dự án cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; dự án đường liên kết vùng Hòa Bình - Hà Nội và cao tốc Sơn La; đường vành đai Thủ đô; các tuyến tỉnh lộ trọng điểm được thi công gấp rút, tác động tích cực tới ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, thực hiện các chủ trương của Chính phủ và của tỉnh về phát triển nhà ở xã hội, trong năm 2025, tỉnh đã quan tâm bố trí quỹ đất, hoàn thiện cơ chế, chính sách và đẩy nhanh thủ tục đầu tư để triển khai nhiều dự án nhà ở xã hội trên địa bàn như: dự án nhà ở xã hội đô thị Nam Vĩnh Yên; dự án nhà ở xã hội Thiện Kế Xanh; dự án nhà ở xã hội VCI Green Home;... Các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng; dự án xây dựng nhà máy, trụ sở sản xuất kinh doanh; dự án xây dựng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tiếp tục được quan tâm.

7. Tình hình xã hội và đời sống dân cư năm 2025 trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Thị trường lao động có nhiều tín hiệu tích cực, việc làm tăng, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm duy trì ở mức thấp. An sinh xã hội được bảo đảm, chế độ chính sách cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện kịp thời, đầy đủ.

- *Dân số*: Dân số trung bình năm 2025 của tỉnh Phú Thọ ước tính 3.701,5 nghìn người, tăng 37,8 nghìn người, tương đương mức tăng 1,03% so với năm 2024; khu vực thành thị có mức tăng cao hơn khu vực nông thôn (lần lượt là 2,73% và 0,44%). So với năm 2024, cơ cấu dân số chuyển dịch theo xu hướng tăng dân số khu vực thành thị, giảm dân số khu vực nông thôn; dân số khu vực thành thị năm 2025 đạt 978 nghìn người, chiếm 26,4%; dân số khu vực nông thôn 2.723,5 nghìn người chiếm 73,6% (tỷ lệ này năm 2024 lần lượt là 26,0% và 74,0%). Cơ cấu dân số theo giới tính không có nhiều biến động so với năm 2024: dân số nam chiếm 49,97%; dân số nữ chiếm 50,03%.

- *Lực lượng lao động* năm 2025 ước tính có 1.887,5 nghìn người, tăng 1,02% (tương ứng tăng 19 nghìn người) so với năm 2024. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 1.850,4 nghìn người, tăng 1,13% so với năm trước, tương đương khoảng 50% dân số.

- *Đời sống dân cư*: Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2025, tình hình đời sống của hộ dân cư trên địa bàn tỉnh được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 5,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,35% so với năm 2024. Các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh năm 2025 ước tính giảm còn 2,75%./.

THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

